

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 100

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười sáu, xem dòng thứ năm từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ chỗ ấy:

“*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức. Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xưng lượng*” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Hai câu này khen ngợi thật đức của Đại Sĩ. Vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường), nói không được, “*cố danh vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích vân: Bất khả dĩ thí loại đắc tri*” (nên gọi là vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích nói: “Chẳng thể dùng thí dụ, so sánh để biết được”). [Thông thường], do thí dụ sẽ có thể biết được, nhưng [ở đây] vẫn chẳng có cách nào thí dụ sao cho thích hợp nên gọi là Vô Lượng. Vô lượng hạnh nguyện, “*Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh*” (Hạnh là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...), trong phần trước chúng tôi đã trình bày rồi. “*Nguyện vị Tứ Hoằng Thệ dữ thập đại nguyện đẳng thắng nguyện*” (Nguyện là các nguyện thù thắng như Tứ Hoằng Thệ Nguyện và mười đại nguyện v.v...), Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng nguyện (nguyện chung) của hết thảy chư Phật, Bồ Tát trong giáo pháp Đại Thừa, chỉ nói bốn câu, nhưng bốn câu đã bao gồm toàn bộ vô lượng đại nguyện trong lúc tu nhân của hàng Bồ Tát. Nguyện thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nói theo cách bây giờ, chữ Độ (度) này là giúp đỡ, góp sức thành tựu họ. Chúng sanh vô lượng vô biên, trong kinh giáo đã nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua bất cứ một ai, bất cứ chúng sanh nào, vì sao? Các vị Bồ Tát biết hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, so với “một nhà” còn thân thiết hơn. Một chúng sanh bị khổ, chịu nạn, há có thể bỏ qua? Đã là một chúng sanh cũng chẳng bỏ qua, hiện thời chúng sanh khổ nạn nhiều ngàn ấy, vì sao Phật chẳng độ họ? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, trong kinh đã có giải thích: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt). Ý nghĩa của “ba thứ chẳng sai biệt” rất rộng, chẳng phải chỉ có một ý nghĩa. Cách giải thích thứ nhất là ba điều ấy bình đẳng, một mà ba, ba mà một, chúng sanh, Phật, tâm là một chuyện, chẳng phải là ba chuyện, mà là một, chẳng phải là ba. Cách giải thích thứ hai là sức của ba thứ ấy bằng nhau. Nghiệp lực của chúng sanh, nguyện lực của chư Phật và sức mạnh của tâm là bình đẳng. Tâm là Thể, Phật và chúng sanh đều là tác dụng, một đẳng là tác dụng chánh diện, Phật là chánh diện, một đẳng là tác dụng phản diện, chúng sanh là tác dụng phản diện. Cũng có thể nói, Phật là tác dụng

thiện, chúng sanh là tác dụng bất thiện, sức mạnh bằng nhau. Do vậy, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Tội nghiệp của chúng sanh chẳng tiêu trừ, sức mạnh của Phật chẳng tăng thêm, sức mạnh của tâm cũng chẳng tăng thêm. Tâm, Phật, chúng sanh, nghiệp lực bất thiện của chúng sanh ắt phải tiêu trừ thì sức mạnh của Phật mới giúp được. Tâm chẳng có thiện hay ác, nó là bản thể, nhưng bất luận là chân hay vọng, đều là từ Thể khởi lên tác dụng. Tâm tùy duyên, có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh; chúng sanh tạo tội nghiệp, nó bèn thuận theo nhiễm duyên hiện ra lục đạo luân hồi, hiện ra quả báo trong tam đồ, nó tùy duyên. Chư Phật, Bồ Tát đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức, nó cũng tùy duyên. Thế giới Hoa Tạng là tâm tùy duyên, thế giới Cực Lạc cũng là tâm tùy duyên, nó có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh, chưa hề có khởi tâm động niệm. Vì thế, đức Phật mới nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, chữ “*tâm tưởng*” chỉ ý niệm của chúng ta, người hiện thời gọi là “*tâm thái*”, nó làm chủ, chủ thể thiên biến vạn hóa, có ý nghĩa như thế đó.

Do vậy, nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là bốn nguyện độ chúng sanh, là thật, chẳng giả. Quả thật, trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai. Phật, Bồ Tát đối với hết thấy chúng sanh bình đẳng, nghiệp chưa tiêu trừ, bèn giúp kẻ ấy tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng lại chẳng thể miễn cưỡng, phải hằng thuận chúng sanh, khi nào chúng sanh giác ngộ, ngộ có tiểu ngộ và đại ngộ, đẳng cấp khác biệt rất nhiều. Đối với chúng sanh chưa giác ngộ, Bồ Tát luôn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ giác ngộ. Sau khi họ bắt đầu giác ngộ, vẫn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ nâng cao, hy vọng họ giác ngộ càng sâu rộng hơn mãi cho tới lúc viên mãn. Chúng ta thường gọi viên mãn là “*thành Phật*”, thành Phật là viên mãn, đây là nguyện độ chúng sanh. Nói đúng ra, [Tứ Hoằng Thệ Nguyện] thật sự là nói đến một nguyện này, ba nguyện sau là để hoàn thành chuyện này. Ngày nay, chúng ta cũng phát nguyện này, nguyện đã phát, nhưng chẳng có năng lực giúp chúng sanh; vì thế, ba nguyện sau nhằm thành tựu chính mình. Quý vị thấy: Dạy người khác là dạy chính mình trước, độ chúng sanh cũng là độ chính mình trước. Chưa độ được mình mà có thể độ người, chẳng có lẽ ấy! Kinh Phật thường nói “*chẳng có đạo lý ấy*”. Nếu quý vị muốn giúp người khác, nhất định phải thành tựu chính mình trước. Do vậy, điều thứ hai là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, phải đoạn trừ tập khí phiền não, đoạn trừ là gì? Thành tựu đức hạnh của chính mình, điều này rất trọng yếu. Xưa nay, trong ngoài nước, trong sự giáo dục của thánh hiền, đức hạnh luôn được đặt hàng đầu. Nếu người nào chẳng có đức hạnh, kẻ ấy ngu si chút nào càng tốt chút ấy, do chẳng tạo tội nghiệp to lớn. Nếu kẻ ấy thông minh, hẳn sẽ hại người, làm hại rất nhiều. Vì thế, giáo dục phẩm đức được đặt hàng đầu!

Phẩm đức đã thành tựu, nguyện kế tiếp là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, đây là nói tới yêu cầu phải có tri thức và trí huệ. Thiếu tri thức, thiếu trí huệ, chẳng thể giúp mình, mà cũng chẳng thể giúp người. Nguyện cuối cùng, trí huệ và học thuật đều phải đạt đến rất ráo viên mãn, quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh. Cho nên nguyện cuối là “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, thành Phật là giống như hiện nay chúng

ta đi học đạt được học vị cao nhất là học vị Tiến Sĩ. Phật, Bồ Tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn; học vị cao nhất là Phật Đà, học vị hạng hai là Bồ Tát, học vị hạng ba là A La Hán. A La Hán đã giác ngộ, tiêu ngộ, Bồ Tát đại ngộ, Phật là đại triệt đại ngộ, chuyện là như thế đó. Chúng ta phải biết kiến thức Phật học thông thường này. Do vậy, biết chúng ta phải phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện này, vì sao? Nguyện là động lực. Tập khí phiền não của chúng ta rất nặng, vì sao phải đoạn phiền não? Chẳng phải vì chính mình, mà vì giúp đỡ hết thảy chúng sanh, sức mạnh ấy rất lớn! Ta đoạn phiền não sớm một ngày, sẽ giúp chúng sanh sớm một ngày, chúng sanh được lợi ích sớm một ngày, chẳng phải vì chính mình. Vì chính mình thì lười biếng một chút vẫn chẳng sao, ta chậm một hai năm, hoặc chậm trễ một hai kiếp chẳng sao! Quý vị thấy chúng sanh khổ nạn nhiều ngàn ấy, há nở lòng nào! Vì thế, đây là động lực đại từ đại bi thúc đẩy, nguyện lực thúc đẩy, hy vọng chính mình ngay lập tức buông tập khí phiền não xuống.

Sau khi buông xuống mới có thể thành tựu pháp môn, trí huệ mới có thể thành tựu. Nếu chẳng buông tập khí phiền não xuống mà quảng học đa văn thì những gì quý vị học tập toàn là tri thức, chẳng phải là trí huệ, trí huệ và tri thức khác biệt ở chỗ này. Trong tri thức chẳng có tập khí phiền não, nó sẽ là trí huệ; nếu vẫn mang tập khí phiền não thì là tri thức. Bởi lẽ, tri thức chỉ có thể giải quyết vấn đề cục bộ, chắc chắn còn có hậu quả! Trong xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ ràng! Có người nói xã hội hiện thời là xã hội tri thức bùng nổ, chẳng sai chút nào, ai nấy đều đang cầu tri thức, nhưng chẳng biết đến luân lý, đạo đức. Cũng có người nói con người hiện thời biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người, lời này có lý! Không biết hiếu thuận với cha mẹ, không biết tôn kính tôn trưởng, thậm chí kẻ làm cha mẹ còn trẻ tuổi chẳng biết dạy dỗ con cái ra sao, đây là tập khí phiền não chưa đoạn. Trung Quốc từ xưa tới nay, bất luận là giáo dục gia đình (trước đây thực là gia giáo), giáo dục trong nhà trường, hay trong xã hội, đều đặt luân lý, đạo đức vào vị trí hàng đầu. Luân lý, đạo đức là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, xếp nó vào vị trí thứ nhất. Người thiếu tri thức chẳng sao, biết làm người, biết hiếu, đễ, trung, tín, biết lễ nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình, kẻ ấy là người tốt, chẳng tạo tội nghiệp. Dẫu kẻ ấy chẳng có công hiến cho quốc gia, xã hội, nhưng chẳng gây tổn hại, quý vị nghĩ xem: Giáo dục rất trọng yếu! Sau khi đã có cơ sở ấy, lại cầu tri thức, tri thức là trí huệ. Trong Phật pháp gọi đoạn sạch tập khí phiền não là Căn Bản Trí, trí huệ của quý vị có căn bản rồi, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả là căn bản; toàn bộ tri thức do cầu được sẽ biến thành trí huệ, gọi là Hậu Đắc Trí. Tác dụng của Hậu Đắc Trí là thiện xảo phương tiện. Chẳng dùng trí huệ ấy để cầu lợi ích cho chính mình, mà dùng để mưu cầu phước lợi cho hết thảy chúng sanh, đây là chuyện tốt đẹp; nhưng nếu chưa thành Phật, đức hạnh và trí huệ quý vị sẽ chưa đạt tới viên mãn. Chưa đạt tới viên mãn, quý vị độ chúng sanh sẽ không viên mãn, vì sao? Quý vị chỉ có thể giúp kẻ có phước huệ thấp hơn quý vị, quý vị có thể giúp họ, chứ đối với kẻ có phước huệ cao hơn chính mình, quý vị sẽ chẳng thể giúp được. Vì thế, phát nguyện muốn thành Phật, thành Phật có thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát, chỉ có thành Phật mới có thể giúp họ.

Chưa thành Phật, không giúp được Đấng Giác Bồ Tát. Quý vị là Đấng Giác Bồ Tát, không thể giúp Đấng Giác Bồ Tát. Nếu quý vị là Thập Địa Bồ Tát thì kể cả Thập Địa lẫn Đấng Giác quý vị đều chẳng giúp được! Đó là đại ý của Tứ Hoàng Thệ Nguyên, nhất định phải cầu đạt đến rốt ráo viên mãn, người Trung Quốc nói “hoàn mỹ” thì hoàn mỹ là chẳng khuyết điểm, đạt đến Phật Đà mới chẳng có khuyết điểm, chứ Đấng Giác Bồ Tát vẫn còn thua một bậc.

“*Dữ thập đại nguyện đấng*” (và mười đại nguyện v.v...), mười đại nguyện đã nói đại lược trong phần trước. “*Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện đấng*”, “*đấng*” là nói tới những thứ khác, như bốn mươi tám nguyện do ngài Pháp Tạng đã phát trong hội này, hoặc các vị Bồ Tát trong khi tu nhân đã phát ra vô lượng vô biên đại nguyện thù thắng. “*Nguyện dĩ đạo hạnh, hạnh dĩ mãn nguyện*” (nguyện để hướng dẫn hạnh, hạnh nhằm mãn nguyện), nguyện nhằm dẫn dắt quý vị tu hành. Nếu chẳng nguyện, quý vị tu hành chẳng thể thành tựu. Vì sao? Chẳng có phương hướng, thiếu mục tiêu. Giống như lái thuyền trong biển cả, chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, chúng ta biết là rất nguy hiểm. Không chỉ chẳng đạt được mục đích, mà còn gặp nguy hiểm tột cùng bất cứ lúc nào. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, con người chẳng thể không có nguyện, trong Phật pháp gọi là “nguyện”, tại Trung Quốc, thế tục thường nói đến “chí”. Người chẳng thể không có chí; vì thế, chí và nguyện thường được gộp chung, nhà Phật gọi là Nguyện. Hết thầy chư Phật, Bồ Tát có chung một nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh. “*Phổ*” có nghĩa là bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mang ý nghĩa bình đẳng. Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, vì sao? Nhằm giúp đỡ hết thầy chúng sanh khổ nạn. Trong các hành động giúp đỡ, có một nguyên tắc bất biến, đó là “giúp chúng sanh phá mê khai ngộ”, điều này rất trọng yếu! Phật, Bồ Tát biết tất cả hết thầy khổ nạn và quả báo của chúng sanh, căn nguyên của quả báo bất thiện là do mê mất bản tánh, mê chứ không giác, đó là cội nguồn chung, căn cội của hết thầy khổ nạn và quả báo. Phật, Bồ Tát giáo học từ chỗ này, nắm vững từ căn bản thì mới có thể sanh ra hiệu quả thù thắng. Vì thế, cứu khổ cứu nạn là giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ. Như vậy là chúng ta hiểu rõ, thưa tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, mỗi ngày [đều dạy] chẳng gián đoạn, chỉ cần gặp Ngài đều là người có duyên. Gặp một người bèn dạy một người, gặp hai người bèn dạy hai người. Ngài dạy học chẳng câu nệ thời gian, cũng chẳng có nơi chốn nhất định, bất luận chỗ nào, bất luận lúc nào, hễ gặp gỡ, Ngài bèn dạy. Bậc thầy như vậy, xưa nay rất ít thấy người nhiệt tâm đường ấy, vì sao? Ngài biết quan hệ giữa người khác và chính mình. Đó là luân lý nhà Phật, luân lý cũng được giảng đến mức viên mãn. Hết thầy chúng sanh và ta là một Thể. [Đã là] một Thể thì gặp người khác, kẻ ấy đã mê, tạo tác bất thiện, há lẽ nào chẳng dạy? Không chỉ phải dạy, mà còn nhất định phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ, đó là “chẳng bỏ một ai”. Vì thế, nguyện trọng yếu vô cùng. Nguyện chánh xác, phương hướng mục tiêu chánh xác thì hạnh của chúng ta chánh đáng, tư tưởng, lời lẽ, và hành vi đều chánh đáng. Tư tưởng, lời lẽ, hành vi bất chánh, nói cách khác, [nguyên nhân là do] chí nguyện chẳng lập, chí nguyện chẳng kiên cố, nên tư tưởng và hành vi của kẻ ấy trong [cuộc sống] hằng ngày mới có lệch lạc.

Hạnh nhằm mãn Nguyên, nhất định phải tu hành thì mới có thể thỏa mãn nguyện vọng của quý vị. Chúng ta muốn đoạn phiền não, phải học pháp môn. Phiền não chẳng đoạn, học pháp môn bằng cách nào? Pháp môn nhất định phải giúp quý vị đoạn phiền não, vì sao? Trong giai đoạn này, đoạn phiền não là chủ yếu. Phiền não chẳng đoạn, pháp môn chẳng thể thành tựu. Phương pháp đoạn phiền não và học pháp môn vô lượng vô biên, “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, vô lượng, vô biên; nhưng để đoạn phiền não, chỉ có thể chọn lựa mấy thứ trong vô lượng vô biên pháp môn, không thể quá nhiều, nhiều quá lại chuốc lấy một đồng lớn phiền não! Không chỉ chẳng đoạn được, mà ngược lại [phiền não] còn tăng trưởng. Hiện tượng như thế rất phổ biến, xưa nay trong ngoài nước đều có, chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy, đọc tụng Đại Thừa cũng là một pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Ta đọc tụng nhằm mục đích nào? Chẳng phải là pháp môn vô lượng thế nguyện học, không nhằm mục đích này, mà nhằm giúp ta đoạn phiền não. Phiền phức lớn nhất trong các phiền não là vọng niệm và vọng tưởng. Quý vị thấy đó, niệm trước diệt, niệm sau sanh, tuyệt đối chẳng thể ngưng dứt, đương nhiên càng chẳng thể đoạn dứt. Vọng niệm toi bờ, cả đồng ý niệm bất thiện, dùng phương pháp gì? Vô lượng pháp môn quy nạp lại chỉ có mấy thứ, trì giới là một phương pháp, tu Định là một phương pháp, tác Quán là một phương pháp, đó là Chỉ Quán, niệm Phật là một phương pháp, đọc kinh cũng là một phương pháp. Đọc kinh phải đọc như thế nào? Dùng phương pháp đọc kinh để chấm dứt vọng niệm. Không đọc kinh, vọng niệm rất nhiều. Đọc kinh nhằm tập trung cái tâm một chỗ, chế tâm nhất xứ. Cũng là nói “buông xuống tất cả ý niệm, cung kính niệm bộ kinh này”. Như kinh Vô Lượng Thọ, tốc độ không nên quá nhanh, mà cũng đừng quá chậm, phải khiến cho vọng tưởng chẳng xâm nhập, nhằm mục tiêu này. Ta đọc kinh này từ đầu đến cuối một lần, đại khái phải từ một giờ rưỡi đến hai giờ, đây là quý vị tu hành một tiếng rưỡi hoặc tu hai giờ. Đọc kinh là đoạn phiền não, nhất định phải hiểu mục tiêu này. Do vậy, sau khi đọc một bộ kinh, vọng niệm cũng chẳng có, công phu khá lắm! Đọc một bộ kinh, trong hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, công phu tốt đẹp lắm. Hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, nói thông thường, phải huấn luyện bao lâu? Đại khái huấn luyện từ ba năm đến năm năm mới có thể đạt tới trình độ này. Vì thế, niệm một bộ kinh, khởi lên mười hoặc hai mươi vọng tưởng là bình thường. Muốn đạt đến mức khởi hai, ba vọng tưởng ước chừng phải mất ba năm công phu, chẳng có ba năm công phu, sẽ chẳng làm được. Có thể khởi một vọng tưởng, đại khái phải đến năm năm công phu. Tâm quý vị đã định, định lâu sẽ khai trí huệ, phương pháp đọc tụng là như vậy.

Đọc tụng quyết định không nên nghĩ trong kinh có ý nghĩa gì, vì quý vị vừa nghĩ tới ý nghĩa thì ý nghĩa là vọng tưởng, vọng tưởng lại xâm nhập rồi. Chỉ niệm, chẳng có ý nghĩa gì, dùng cách này để dứt vọng tưởng. Niệm Phật, tu Định, trì giới đều dùng phương pháp này, mục tiêu tương đồng, dụng ý như nhau. Vì thế, phương pháp đọc tụng này đối với phần tử tri thức hữu hiệu nhất, nhiều năm qua tôi sử dụng biện pháp này. Tôi niệm Phật không được, niệm Phật suốt ngày cả một vạn tiếng Phật hiệu, vẫn cứ khởi vọng tưởng y như cũ, nhưng xem kinh hoặc đọc kinh thì được; vì thế, đây là do

căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Lúc mới học cũng có thể thử xem, trì chú, trì giới đều có thể thử xem phương pháp nào thích hợp với chính mình, sử dụng rất thuận tiện, chính mình cũng rất ưa thích, bèn dùng phương pháp ấy. Vì thế, hiện thời mỗi ngày, thông thường vào lúc ít khách, thời gian đọc kinh của tôi sẽ chẳng ít hơn bốn giờ đồng hồ, dùng phương pháp này để đoạn ý niệm của chính mình. Trọn chẳng nghĩ đến ý nghĩa trong kinh, hề nghĩ sẽ là cầu giải, đó là một pháp môn khác. Hiện thời tôi đọc kinh, mục đích của tôi là nhằm tu Định, nhằm ngưng dứt vọng niệm, công phu ở chỗ này. Nghiên cứu cầu giải, một mặt nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp cho Chỉ Quán của chính mình, triết học hiện thời gọi Chỉ Quán là vũ trụ quan và nhân sinh quan, nâng cao cảnh giới của chính mình về phương diện ấy. Mặt khác, chúng tôi chia sẻ tâm đắc trong học tập với đại chúng, cũng giúp cho mọi người có thể liễu giải nghĩa lý của kinh. Sau khi liễu giải, biết chính mình mỗi ngày phải sống như thế nào, đó là tu hành, tu hành là cuộc sống. Nói cách khác, chúng ta chẳng sống cuộc đời lục đạo luân hồi, chúng ta ở nơi đây (trong lục đạo) mà sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, có thể đạt tới thanh lương, tự tại, người thế gian gọi [cuộc sống ấy] là “hạnh phúc mỹ mãn”. Cuộc sống của Phật, Bồ Tát là hạnh phúc mỹ mãn. Nói cách khác, dùng kinh điển để chỉ đạo chúng ta sống như thế nào, mang ý nghĩa này. Do vậy, Hạnh mới có thể mãn Nguyên. Dùng một chữ Hạnh để bao gồm hành vi sai lầm của chúng ta, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác. Nương theo kinh giáo để uốn nắn, sửa đổi cách nghĩ làm, thấy trật, nói sai, làm quấy, đó là tu hành. Tu hành ở chỗ nào? Tu hành trong hết thảy thời, hết thảy chỗ. Thật vậy, tu nơi khởi tâm động niệm, đó là cội rễ của Hạnh. Khởi tâm động niệm thiện, ngôn hạnh của quý vị chắc chắn là thiện. Khởi tâm động niệm bất thiện, ngôn hạnh đương nhiên sẽ bất thiện, căn nguyên của nó là ý niệm. Vì thế, Hạnh nhằm mãn Nguyên. “Hạnh như túc, nguyện như mục, hổ tương y trì” (Hạnh như chân, Nguyên như mắt, nương tựa lẫn nhau), đây là nói về mối quan hệ giữa Hạnh và Nguyên, Nguyên lãnh đạo quý vị, chỉ dẫn quý vị phương hướng và mục tiêu chánh xác, quý vị mới có thể đạt đến.

“*Cụ túc*”, trong kinh Phật thường dùng hai chữ này. Ở đây, giải thích ý nghĩa hai chữ này rất hay, “*viên mãn vô dư*”, [nghĩa là] viên mãn, chẳng khiếm khuyết mảy may nào, đó là “*cụ túc*”, “*cụ túc*” có nghĩa là viên mãn. “*Hạnh Nguyên Phẩm vân*”, [nghĩa là] trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên có nói, “*văn thử nguyện vương*” (nghe nguyện vương này), quý vị nghe mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, đại khái quý vị cũng có thể hiểu rõ ý nghĩa của mười điều ấy, “*độc, tụng, thư tả*” (đọc, tụng, biên chép), đều là công phu. Đối trước kinh điển để niệm là Độc (讀), Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuộc, không cần xem kinh cũng có thể đọc thuộc lòng, đó là Tụng. Ngoài đọc tụng ra là biên chép, nay chúng ta gọi là “*mặc tả*” (默寫: chép thuộc lòng), nhưng khi viết có thể nhìn vào kinh bản để chép thì chúng ta gọi là “*sao kinh*” (抄經), không xem kinh để viết thì gọi là “*mặc tả*”. “*Thư tả*” là hai loại này. “*Thị chư nhân đẳng, ư nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu*” (Những người ấy trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Quý vị hãy suy nghĩ mấy câu

này, nếu chúng ta chẳng nhất tâm xưng niệm, sẽ chẳng có hiệu quả ấy! Kinh Di Giáo nói “*ché tâm nhất xứ*”, nhất tâm xưng niệm và ché tâm nhất xứ có cùng một ý nghĩa, người thế gian chúng ta nói là “chuyên tâm”. Khi tụng niệm công khóa, khi tu hành, tâm vô nhị niệm, kinh văn [hiển hiện] rõ ràng, minh bạch trong tâm của chính mình. Trong khi ấy, mười nguyện này, nguyện nào cũng đều trọn đủ, đều được thành tựu. Trong một nguyện, viên mãn chín nguyện khác, nguyện nào cũng là như thế, quý vị thấy mười nguyện biến thành một trăm nguyện. Do vậy, [mỗi đời trong ba đời] đem phối hợp với ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, lại thành cửu thế. Cửu thế là nói theo thời gian, [tức là] đời quá khứ của quá khứ, đời hiện tại của quá khứ, đời vị lai của quá khứ, đời quá khứ của hiện tại, đời hiện tại của hiện tại, đời vị lai của hiện tại; đời vị lai của vị lai, đời hiện tại của vị lai, đời quá khứ của vị lai. Quý vị chia ra như vậy, [cửu thế cộng với “tam thế” ban đầu sẽ thành “thập thế”, mỗi thế có mười nguyện nên] mười nguyện sẽ biến thành một ngàn nguyện. Do lý do đó, mười điều thiện của Bồ Tát có thể lần lượt biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, do từ chỗ này mở rộng ra. Mười nguyện Phổ Hiền đương nhiên cũng là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, lại mở rộng ra, đúng là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, đây là câu nói tổng kết trong kinh Hoa Nghiêm. Đều ở trong một niệm tâm, niệm niệm như vậy, chẳng thể nghĩ bàn!

“Thử chánh hiển tòng quả hướng nhân, dĩ Di Đà chi thiện xảo phương tiện gia trì hồi hướng, thành tựu vô lượng siêu xuất Thập Địa chư thánh chi hạnh nguyện” (Điều này chỉ rõ từ quả hướng về nhân, dùng phương tiện thiện xảo của Phật Di Đà để gia trì hồi hướng thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trội các vị thánh trong Thập Địa). Đoạn kinh văn ngắn này trong phẩm Hạnh Nguyện cho thấy Như Lai từ quả hướng đến nhân. Phổ Hiền Bồ Tát đã chứng đắc quả vị rốt ráo, thuộc địa vị Diệu Giác, thị hiện thân phận Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Đẳng Giác Bồ Tát là nhân vị (địa vị tu nhân), Diệu Giác là quả vị (địa vị chứng quả). Nói cách khác, chúng sanh có cảm, tự tánh Thường Tịch Quang có ứng, tướng của Ứng Thân ấy là Đẳng Giác Bồ Tát. Đó là “*từ quả hướng đến nhân*”, người Hoa gọi [chuyện này] là “*thả chiếc bè Từ*”. Ngài quay lại, dần dần tiến lên cao hơn; nay Ngài lui lại, lui lại để giúp đỡ chúng ta. Nếu Ngài không lui xuống, cứ trụ trong địa vị ấy, chúng ta sẽ không thể tiến lên. Ngài đến đi tự do, chúng ta chẳng tự do, nên Ngài cần phải lui xuống giúp đỡ chúng ta, giúp bằng cách nào? Quý vị thấy, Phổ Hiền Bồ Tát dùng thiện xảo phương tiện của Phật Di Đà để gia trì, hồi hướng, thả chiếc bè Từ, vẫn xin A Di Đà Phật dùng thiện xảo phương tiện nơi bốn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện để gia trì, hồi hướng, đây là biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta trông thấy, hiểu rõ, có nên nương tựa A Di Đà Phật hay không? Đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, quay trở lại thị hiện như vậy, chẳng có chi khác, chỉ nhằm khuyến cáo chúng ta nhất định phải nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở chỗ nào? Một bộ kinh này là A Di Đà Phật, phải hiểu điều này. Chúng ta mỗi ngày cúng dường tượng A Di Đà Phật, mỗi ngày đốt hương, dập đầu lạy lục cầu Ngài phù hộ, đó là mê tín, như vậy là có lỗi với A Di Đà Phật, coi A Di Đà Phật như thần tiên, sai lầm rồi! Thờ

hình tượng nhằm ý nghĩa gì? Thờ tượng để nhắc nhở chúng ta thường nghĩ đến kinh Vô Lượng Thọ. Giáo huấn của A Di Đà Phật dành cho chúng ta hoàn toàn ở trong bộ kinh điển này, nghe danh hiệu liền nghĩ đến kinh điển, thấy hình tượng cũng phải nghĩ đến kinh điển, tác dụng ở chỗ này. Thời thời khắc khắc dùng hình tượng để nhắc nhở chúng ta, dạy chúng ta niệm niệm chớ quên. Người học Phật thờ hình tượng Phật, Bồ Tát là do ý nghĩa ấy. Phải biết điều này; nếu không, sẽ là làm chuyện mê tín. Vì sao người học Phật chúng ta thờ hình tượng Phật nhiều như thế? Tánh Đức của chúng ta vô lượng vô biên, [nếu chỉ] dùng một danh hiệu, một hình tượng, sẽ chẳng có cách nào hiển thị Tánh Đức viên mãn của chúng ta.

Do vậy, A Di Đà Phật đại diện kinh Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện phẩm Phổ Môn, Phổ Hiền Bồ Tát đại diện phẩm Hạnh Nguyên, Văn Thù Bồ Tát đại diện kinh Bát Nhã, Địa Tạng Bồ Tát đại diện kinh Bồ Nhị Nguyên, chúng ta trông thấy hình tượng các Ngài bèn nghĩ đến giáo huấn trong các bộ kinh điển ấy. Các kinh điển ấy dạy gì? Kinh Vô Lượng Thọ biểu thị đại viên mãn, Quán Âm Bồ Tát biểu thị từ bi. Nghe các danh hiệu ấy, thấy các hình tượng ấy, phải nghĩ ta nên giống hệt như Quán Âm Bồ Tát, dùng tâm đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, mang ý nghĩa này, chớ nên hiểu sai! Địa Tạng Bồ Tát biểu thị hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, đây là căn bản của giáo học. Giáo dục của thánh hiền thế gian và xuất thế gian sanh ra từ đâu? Sanh từ hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy. Vì thế, danh hiệu của Bồ Tát là Địa Tạng, Địa là đại địa, Tạng là kho báu. Nay quý vị thấy [người ta] thăm dò đại địa để tìm khoáng sản. Địa ở đây là nói tới tâm địa, kho báu trong tâm địa là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Dùng hai phương pháp là hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy để khai thác kho báu trong tự tánh, dùng ý nghĩa này. Nghe danh hiệu, thấy hình tượng, bèn lập tức nghĩ đến [hiếu thân, tôn sư], quý vị thấy Tánh Đức thường thấu lộ ra ngoài, đó là chuyện tốt. Văn Thù Bồ Tát biểu thị trí huệ, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị “thật sự làm”, dùng danh từ này cho dễ hiểu. Phổ Hiền Bồ Tát là thật sự làm, khai phát Tánh Đức trong tự tánh. Đặt ra những thứ ấy, những nghệ thuật phẩm ấy đều là thiện xảo phương tiện trong nhà Phật, chẳng có chút xíu mê tín nào! Do vậy, thật sự hiểu, đã hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ bội phục Phật pháp năm vóc sát đất, đó gọi là gì? Nghệ thuật hóa giáo học. Nghệ thuật hóa là trong thời cận đại, từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, trong xã hội chúng ta nghe nói đến danh từ “nghệ thuật hóa” rất nhiều, thứ gì cũng đều nhấn mạnh nghệ thuật, ngay cả chiến tranh cũng nhấn mạnh nghệ thuật, chánh trị cũng là nghệ thuật, công thương cũng là nghệ thuật, đều nhấn mạnh nghệ thuật hóa! Từ ba ngàn năm trước, Phật đã thực hiện nghệ thuật hóa, thầy đều tiến nhập nghệ thuật hóa giáo học, chúng ta chẳng thể không bội phục. Ba ngàn năm sau, con người mới nghĩ tới, mới theo đuổi nghệ thuật. Do vậy, trong Phật pháp, hết sức coi trọng điêu khắc, hội họa, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, thứ gì cũng đều nhằm biểu thị pháp, thứ gì cũng đều là giáo học. Quý vị thật sự thấu hiểu, chẳng cần nói câu nào. Bước vào chùa miếu, quý vị cũng thu được một bài học rất phong phú,

rất viên mãn. Những điều này đều nhằm nói về thiện xảo phương tiện, gia trì hồi hướng, tất cả hết thảy đều là gia trì.

Cuối cùng nói “*phổ giai hồi hướng*”, tâm lượng của chúng ta đã khôi phục bình thường. Tâm lượng bình thường là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trọn khắp thái hư, lượng như các cõi nước nhiều như cát), người Hoa thường nói “*lượng to, phước lớn*”. Đức Phật bảo chúng ta, tâm lượng của mỗi cá nhân chúng ta vốn còn to hơn hư không pháp giới, quý vị vốn sẵn là như vậy. Nay chúng ta phải tìm lại cái vốn có, phải tìm lại tự tánh, hồi hướng là đạt tới viên mãn, tìm lại nó một cách viên mãn. Cách luyện tập trong lúc thường ngày là như thế nào? Phải luyện tập ngay trong hiện tại. Hiện thời, tâm lượng rất nhỏ, phải vận dụng trong thường nhật, khởi tâm động niệm đừng nghĩ vì chính mình, hãy thường nghĩ vì chúng sanh, tâm lượng bèn rộng mở. Thật vậy, trí huệ hiện tiền, phước báo cũng to lớn. Niệm niệm nghĩ vì chính mình, buôn bán mong phát tài, niệm niệm mong mình phát tài, tiền của sẽ có hạn. Vì sao? Trong mạng đã định sẵn, quý vị chẳng có cách nào vượt qua [hạn mức đã định sẵn ấy]; nhưng nếu chuyển biến ý niệm, ta phát tài chẳng vì chính mình, mà phát tài nhằm giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, tuyệt lắm, đấy chẳng còn là tài vật trong mạng của quý vị nữa, vì sao? Tánh Đức tỏ lộ, của cải sẽ vô lượng vô biên, vì sao? Tất cả chúng sanh khổ nạn đều hưởng phước của quý vị, đó là thật!

Vào hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Xuân Thu, [tức là] nhằm thời đại Ngô - Việt thời Xuân Thu, quý vị thấy Phạm Lãi buôn bán chẳng vì chính mình, rất nhanh, mấy năm đã phát tài to. Sau khi phát tài, thấy người ta nghèo cùng, khổ sở, đều giúp đỡ, tán tài, chia cho mọi người, khiến cho mọi người có thể sống qua ngày. Chính mình lại từ cái vốn nhỏ nhoi để bắt đầu buôn bán, trong mạng cũng có, hơn nữa, lại làm chuyện tốt đẹp to tát dường ấy, ông ta thật sự có thể phát tài, phát tài là vì có đại đạo, bố thí mà! Từ món tiền vốn nhỏ để bắt đầu buôn bán, chưa đầy hai ba năm lại phát tài, phát tài nhiều hơn lần trước, lập tức chia hết của cải. Sau khi chia sạch, lại làm từ đầu, rất tuyệt! Ba lần tụ tài, ba lần tán tài, nên sau này, người Hoa thờ ông ta làm Tài Thần. Người Hoa thờ ai làm Tài Thần? Phạm Lãi! Điều này rất có lý, ông ta là một vị thương nhân Bồ Tát, dạy quý vị kinh doanh, buôn bán như thế nào? Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh. Bản thân quý vị tu phước, đời đời kiếp kiếp hưởng chẳng hết, quý vị thấy quý vị đã cứu vớt bao nhiêu người? Quý vị bố thí, thi ân, trong tương lai, con cháu trong nhà quý vị ai nấy đều là con hiếu, cháu hiền, vì sao? Chúng nó đến báo ân, chẳng đến báo oán, chẳng đến đòi nợ. Phạm Lãi nêu gương cho chúng ta thấy. Đặc biệt là trong thế giới hiện đại, hết thảy nhấn mạnh khoa học, khoa học đòi hỏi chứng cứ, chúng ta cũng phải nêu gương. Tán tài chẳng thua thiệt, tán tài là chiếm đại tiện nghi, nhưng chẳng ai biết chuyện này.

Đến hồi hướng mới thật sự là viên mãn, do vậy, người ấy thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trội chư thánh thuộc Thập Địa. Người ấy thực hiện triệt để, viên mãn.

Những vị Bồ Tát ấy học theo A Di Đà Phật; A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chẳng phải vì chính mình, chẳng dính vào tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, mà nhằm giúp lực đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc, tạo ra một đạo tràng thích hợp nhất để tu hành thành tựu trong thế giới Cực Lạc, hoan nghênh họ đến đó. Chẳng đòi hỏi điều kiện rất cao, mà là điều kiện rất đơn giản, quý vị thật sự là thiện nam tử, thiện nữ nhân, cũng tức là quý vị có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, tin tưởng pháp môn này, bằng lòng vãng sanh, Ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị. [Điều kiện căn bản để vãng sanh là] tín nguyện trì danh, quý vị thấy đơn giản lắm! Nhưng chúng ta chớ nên quên, đừng sơ sót một điều kiện trọng yếu như Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”, câu này trọng yếu lắm. Quý vị có tín, có nguyện, có hạnh, đến cuối cùng quý vị chẳng thể vãng sanh, bèn trách “Phật lừa ta”. Phật chẳng lừa quý vị, Phật đã nói rất rõ ràng, quý vị ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, sẽ chẳng thể đến đó. Đến đó, nhất định phải là người nhiều thiện căn. Thiện căn là gì? Thiện căn là tín nguyện, quý vị thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha. Đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự làm, ta thật sự thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, vì nơi ấy toàn là chư thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Tiêu chuẩn của thiện là mười thiện nghiệp, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói đôi chiều, không nói thù dật, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Làm được điều kiện này vài phần là được rồi. Làm viên mãn cả mười điều kiện sẽ thành Phật, chúng ta có thể làm đến một phần trăm thì được rồi, nắm chắc vãng sanh Cực Lạc thế giới! Do vậy, mười nguyện ấy chẳng thể không tu, cách tu mười nguyện ấy ra sao? Tôi đã nói rất nhiều lần, thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên chính là tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ đề ra cương lĩnh, chẳng nói chi tiết. Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy là hạng mục chi tiết, còn mười điều [trong Thập Thiện Nghiệp Đạo] là tổng cương lĩnh. Quý vị thực hiện hai thứ ấy thì Đệ Tử Quy đã làm được, Thập Thiện Nghiệp cũng làm được, quý vị là chư thượng thiện nhân. Tuy là tiểu thiện, khi vãng sanh, A Di Đà Phật trước hết dùng Phật quang chiếu gọi quý vị. Phật quang vừa chiếu, tiểu thiện sẽ biến thành đại thiện, nâng lên cao, đó là Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tương đối, [nghĩa là] quý vị có bao nhiêu, Ngài tăng thêm bấy nhiêu. Chúng ta tu nhiều, Ngài sẽ tăng thêm nhiều, chớ nên không hiểu đạo lý này!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*An trụ nhất thiết công đức pháp trung, nhất thiết công đức pháp chỉ Phật quả chi vô tận công đức*” (An trụ trong hết thảy pháp công đức: Chữ “hết thảy công đức” chỉ Phật quả công đức vô tận). Chúng ta thường nói viên mãn xứng tánh là hết thảy công đức, thật vậy, cũng chẳng có gì hiếm lạ, vì sao? Vốn trọn đủ trong tự tánh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều có phần, chẳng phải là nói Phật có, còn chúng ta chẳng có. “Chúng ta có” là có như thế nào? Tuy có, nhưng hiện thời bị chướng ngại, tuy có, nhưng không lấy ra được. Ví như quý vị có tài sản ức vạn, đều để trong ngân hàng, cất trong ấy, hiện thời quý vị ở bên ngoài, muốn ăn một bữa cơm,

túi không có tiền, vẫn phải tạm thời làm lụng một chút, người ta mới cho quý vị ăn một bữa. Chẳng phải là quý vị không có, nhưng hiện thời chẳng lấy ra được, có chướng ngại, đạo lý là như vậy đó. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chẳng có chướng ngại; vì thế, đối với Tánh Đức viên mãn có thể tự tại khởi tác dụng, đối với vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông có thể tự tại khởi tác dụng, đạo lý như vậy đó. Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nếu chúng ta diệt trừ chướng ngại, chướng ngại của chúng ta chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại chia thành ba loại lớn ấy, mỗi loại đều là vô lượng vô biên, gồm ba loại lớn ấy! Đức Phật nói rất rõ ràng, hoàn toàn diệt trừ ba loại lớn ấy, quý vị sẽ thành Phật, chẳng khác gì A Di Đà Phật, trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Chưa có năng lực trừ diệt hoàn toàn thì trừ từng phần, có tất cả ba phần, trong ba phần diệt trừ một phần, đã khởi tác dụng rồi. Trừ từ bên ngoài, tức là trước hết, hãy trừ từ bên ngoài, phần ở bên ngoài chính là chấp trước. Nếu là thật sự [đoạn trừ], chúng ta buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chứng quả A La Hán, hết thấy công đức trong tự tánh thấu lộ một phần ba. Một phần ba đã là thần thông rộng lớn rồi! Người Hoa đọc Tây Du Ký rất nhiều, biết Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng A La Hán vượt trội Tôn Ngộ Không chẳng phải chỉ là một vạn lần, Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh bằng A La Hán! Quý vị biết đó là vì năng lực khôi phục, thần thông khôi phục. Nếu lại khử thêm một phần, tức là lại trừ khử phần phân biệt, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt, chư vị phải biết, không chấp trước sẽ đắc tâm thanh tịnh, tựa đề kinh này là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng chấp trước, tâm thanh tịnh hiện tiền, [đó là] A La Hán. Chẳng phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Bồ Tát chẳng phân biệt, A La Hán còn có phân biệt, Ngài chẳng chấp trước, nhưng có phân biệt. Đối với phân biệt, Bồ Tát cũng chẳng có, Tánh Đức trong tự tánh thấu lộ hai phần ba. Cuối cùng là đại triệt đại ngộ, đó là giác, “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, sự giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoàn toàn chẳng có chướng ngại, [Tánh Đức trong tự tánh] thấu lộ toàn bộ.

Ở đây, nói đến vô tận công đức. Phật quả có công đức vô tận, đó là viên mãn xứng tánh, thanh tịnh, bình đẳng, giác đều đã đạt được. Nếu chẳng giải thích như vậy, chỉ nói “hết thấy các pháp công đức” thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều có thể nói [là các Ngài trọn đủ hết thấy các pháp công đức]. Phía sau thêm vào một câu, nói rõ là công đức vô tận nơi Phật quả. Như vậy là không phải là nói tới [quả vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng nói tới các địa vị ấy, mà nói tới quả địa Như Lai, thật sự chứng đắc viên mãn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” thì mới là cảnh giới đó. Đây là nói người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều an trụ trong hết thấy các pháp công đức nhằm cổ vũ, khích lệ chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nói thật ra, sự hưởng thụ của chúng ta nhiều nhất là bằng Thanh Văn, chưa viên mãn, nhưng thế giới ấy là thế giới đặc thù, chẳng giống những thế giới khác! Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới “*đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. Câu

này rất trọng yếu, trong các cõi Phật khắp mười phương chẳng có điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có. Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Là Phật! Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đến bên kia được đãi ngộ, được hưởng thụ sự đãi ngộ nơi Phật quả, tìm đâu ra điều này! Cũng có thể nói là quý vị đến thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Sự “thành Phật” ấy chẳng phải là thật sự thành Phật, mà do A Di Đà Phật gia trì quý vị. Loại đãi ngộ ấy do A Di Đà Phật ban cho quý vị, chẳng do chính bản thân quý vị đạt được, chính mình vẫn còn phải tu [hòng thật sự đạt đến]. Bất quá chính mình tu sẽ rất dễ dàng, lại còn rút ngắn thời gian với một mức độ to lớn. Quý vị thấy đó, tu hành trong thế giới [Sa Bà] này phải mất vô lượng kiếp, trụ trong vô lượng kiếp; đến thế giới Cực Lạc tu hành, chúng ta nói về quả vị thấp nhất là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tu hành trong thế giới Cực Lạc, tu đến mức an trụ trong hết thảy các pháp công đức phải mất thời gian bao lâu? Mười hai kiếp. Quý vị thấy vô lượng kiếp lập tức rút ngắn thành mười hai kiếp. Đối với hoàn cảnh học tập [tốt đẹp, thuận tiện] ấy, quý vị có nên đến đó hay không? Khắp pháp giới hư không giới, chẳng thể tìm đâu ra một nơi nào giống như vậy! Chỉ có một chỗ gương mẫu như thế, hết sức đáng quý! Mười phương hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, đều khuyên dạy chúng ta phải sanh về đó, nhưng chúng ta vẫn chẳng muốn sanh về, quý vị nói xem nghiệp chướng của quý vị nặng nề lắm thay! Bao nhiêu vị Bồ Tát mong tưởng đến đó mà chẳng có duyên phận này, chẳng gặp gỡ duyên phận này. Do duyên phận, nay chúng ta được gặp gỡ, nhưng chẳng mong sanh về, đúng là lầm lạc quá đời! Đó là [pháp tu] rốt ráo viên mãn, thành tựu trong một đời!

“*Nhân Vương Kinh Sớ vân: Thí vật danh Công*” (Nhân Vương Kinh Sớ giảng: “Thí cho chúng sanh gọi là Công”), Công ở đây là công đức, hai chữ “công đức” giải thích ra sao? Ở đây có nói: “*Quy kỳ viết Đức*” (Quy về mình là Đức). Do vậy, công đức và phước đức khác nhau, ngàn vạn phần đừng coi tu phước là công đức; nếu vậy, quý vị đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Công là “*thí vật*”, ở đây là “vật,” chẳng nói “thí cho người” mà nói “*thí vật*”. Nếu nói là người thì trong mười pháp giới chỉ có nhân đạo, Ngài nói “vật” bao gồm toàn bộ mười pháp giới trong ấy. Đối với những kẻ ngang vai vế chúng ta thì nói là “*bố thí*”, đối với những bậc cao hơn chúng ta như chư thiên thì gọi là “*cúng dường*”. Cúng dường cũng là bố thí, [nhưng nói “cúng dường” thì] danh xưng tôn kính hơn một chút. Trên là cúng chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, thiện thần; dưới là cúng dường cửu giới chúng sanh, đều gọi chung là “vật”. Trong chữ Vật này có hai ý nghĩa:

- Một là đối tượng bố thí của chúng ta, nay chúng ta nói là hết thảy người và vật.

- Thứ hai là nội dung bố thí, có tài bố thí, pháp bố thí và vô úy bố thí. Chúng ta dùng này ba thứ này để bố thí hay cúng dường, trên là đến thiên thần, dưới là chúng sanh trong địa ngục, tâm lượng ấy lớn lắm!

Các nhà khoa học hiện thời nói đến các chiều không gian khác nhau, chúng ta thường gọi chúng là “mười pháp giới”, tức các chiều không gian khác nhau. Trong các chiều không gian khác nhau đều có sinh vật, [bao gồm] lục đạo chúng sanh chưa khai ngộ, hoặc là chúng sanh thuộc bốn thánh pháp giới tuy đã khai ngộ nhưng chưa viên mãn, họ đều là đối tượng để chúng ta bố thí hay cúng dường, đó là “tu Công”. Quý vị tu Công nhất định được lợi ích, lợi ích gì vậy? Quy về chính mình là Đức. Quý vị thí tài bèn được của cải. Thưa quý vị, càng thí sẽ càng nhiều!

Năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, đề nghị với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, khi ấy ông ta làm Tổng Vụ của Cư Sĩ Lâm, Lâm Trưởng là ông Trần Quang Biệt, nhưng ông Lý giống như Chấp Hành Đồng Sự (giám đốc điều hành), hết thảy mọi việc trong Cư Sĩ Lâm đều do ông ta quản trị. Tôi khuyên ông ta nên thí thực, tức là cho người khác ăn cơm, cách làm ra sao? Cho mọi người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm miễn phí, chẳng phân biệt là tôn giáo nào, kẻ ấy có tin tưởng tôn giáo hay không chẳng quan trọng, chỉ cần đến ăn cơm, chúng tôi đều hoan nghênh, hoan nghênh kẻ ấy đến ăn cơm. Lại còn ăn cơm không gián đoạn. Ăn theo lối buffet, đến ăn lúc nào cũng được, suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn, ban đêm vẫn mở cửa. Ban đêm thì có mạn đầu (bánh bao không nhân), bánh mì, điểm tâm, cháo, thức ăn lót dạ¹, nước trà, hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn. Ước chừng mỗi ngày có hơn một ngàn người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm. Cuối tuần hoặc ngày lễ, cả ba bốn ngàn người, vô cùng náo nhiệt. Khi đó, Cư Sĩ Lâm thu nhập vẫn còn khá lắm, chúng tôi thực hiện cách ấy. Làm chưa đến một tháng, Cư Sĩ Lâm chẳng cần phải bỏ ra đồng nào để mua sắm, vì sao? Người Tân Gia Ba đều biết tới, những đệ tử Phật môn mỗi ngày đem gạo đến biếu, dầu cũng biếu cho, rau dưa đưa đến biếu, thứ gì cũng chẳng phải mua. Biếu tặng nhiều quá, người ăn được quá ít, mỗi ngày mấy ngàn người mà vẫn ăn quá ít, những thứ ấy chẳng thể giữ được, giữ lại chúng sẽ hư mất, đặc biệt là rau dưa, làm thế nào đây? Cư Sĩ Lâm tìm hai xe chở hàng nhỏ, mỗi ngày đưa đi bố thí, biếu tặng bên ngoài, đưa đến đâu? Các tôn giáo khác, họ có viện dưỡng lão, cô nhi viện, trường học, thầy đều đem tặng hết. Tất cả các tôn giáo chúng tôi đều bố thí, bố thí hết cả, càng thí, càng nhiều! Do vậy, những tôn giáo ấy cũng rất thân thiết với chúng tôi. Đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm, có chẳng ít món ăn, quầy buffet của chúng tôi có từ mười lăm đến hai mươi món ăn. Mỗi ngày đều là như vậy, đều là mới nấu nóng hổi. Ông Hoàng Kim Huy là Tổng Thống Tân Gia Ba xưa kia, có một hôm đến Cư Sĩ Lâm dùng cơm, chúng tôi cùng ăn chung. Ông ta nói với ông Lý Mộc Nguyên:

¹ Nguyên văn Tiểu Thái. Theo cách gọi của người Đài Loan, đây là những món ăn lật vật được chuẩn bị với số lượng ít, thường dùng như món khai vị, hoặc lót dạ trước khi ăn các món chính thức, chẳng hạn dưa leo trộn chua ngọt, sứa trộn, đậu nành non trộn thật cay v.v...

“Các vị thật sự giỏi quá! Trong nhà tôi thức ăn chỉ có năm món, quý vị có đến hai mươi mấy món”. Do ông ta đến thăm, nên hôm đó đặc biệt tăng thêm thức ăn, nấu thêm mấy món nữa! “Quá phong phú, quý vị lấy tiền từ đâu ra?” Khi các tu sĩ hoặc tín đồ các tôn giáo đến đây ăn cơm cũng đều hỏi như vậy, thấy có nhiều người ngàn ấy, quý vị lấy tiền từ đâu ra? Ông Lý Mộc Nguyên nói: “Chúng tôi có ông chủ làm hậu thuẫn”, họ hỏi: “Ông chủ là ai?” “A Di Đà Phật”, chứng minh đức Phật nói chẳng sai, càng thí, càng nhiều, thứ gì cũng có, chẳng phải bận lòng chút nào!

Hiện thời, quý vị thấy trong nước cư sĩ Tề Tố Bình ở núi Đông Thiên Mục, chỗ bà ta là núi hoang, chẳng có gì cả, phát tâm bố thí, mười mấy năm qua càng thí càng nhiều. Đúng như trong Phật môn đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị đã hiểu rõ, sẽ yên tâm lớn mật bố thí, chẳng sợ hãi. Quý vị hiểu đây là phước huệ chân thật, do bố thí mà có. Tài bố thí được của cải, pháp bố thí được thông minh, trí huệ, vô úy bố thí được khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị thấy ba điều này có ai chẳng mong muốn! Của cải do đâu mà có? Trong mạng có của cải là do trong đời quá khứ quý vị đã tu tài bố thí. Không phải trời già quyết định, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát ban cho! Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc! Một người là như thế, một gia đình là như thế, một nước cũng là như thế. Nếu người lãnh đạo nước Mỹ hiểu đạo lý này, cần gì phải phát động chiến tranh? Chẳng cần! Quý vị vẫn là “*hữu cầu ắt ứng*”. Hơn nữa, phát động chiến tranh sẽ “cái được chẳng bù nổi cái mất”. Trung Đông nảy sinh chiến tranh vì sao? Vẫn chẳng phải vì dầu hỏa! Nước quý vị có tiền, vì sao không mua dầu, mà phải tốn kém quân phí nhiều ngàn ấy? Quân phí nhiều ngàn ấy để chiếm lãnh địa phương đó, điều gì cũng chẳng đạt được, chẳng biết phải tốn kém hơn món tiền bỏ ra mua dầu chẳng biết bao nhiêu lần, lại còn chuốc lấy tiếng xấu, còn chuốc cả đồng phiền phức. Phiền phức gì vậy? Chiến tranh khủng bố. Tôi còn bảo đồng học truy tìm trên Internet, tìm được một tin, nhưng không lưu ý, là mỗi năm nước Mỹ tiêu tốn cho cuộc chiến tranh chống khủng bố vượt xa chi phí do hai cuộc Thế Chiến lần thứ nhất và lần thứ hai gộp lại. Kinh khủng quá! Chẳng phải là chính mình chuốc lấy phiền phức ư? Tôi hy vọng các đồng học tìm trên Internet tin này, hạ tải xuống để tôi xem kỹ lưỡng hơn. Họ học Phật thì tốt hơn, nhưng chẳng học Phật! Học Phật bèn hiểu rõ, muốn gì có vậy, nhưng chẳng tạo tội nghiệp. Do vậy, đối với “cầu” trong Phật pháp, xưa kia, Chương Gia đại sư đã dạy tôi, có đạo lý, có lý luận, có phương pháp. Đúng lý, đúng pháp, có cầu ắt ứng, chẳng có gì là mê tín trong ấy! Cần gì phải tạo tội nghiệp? Tạo tội nghiệp chỉ khiến đức bị khuyết, chỉ khiến cho của cải, trí huệ, sức khỏe và tuổi thọ trong mạng của quý vị bị giảm xuống, chẳng thể tăng lên. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền có giá trị, có chỗ hữu dụng, chẳng thể không tìm lại. Không chỉ phải tìm lại, mà còn phải đích thân dốc sức hành, phát huy rộng lớn.

Tịnh Ảnh Sớ đã giải thích công đức như sau: “*Công vị công năng, chư hạnh giai hữu lợi ích chi công, cố danh vi Công*” (Công là công năng, các hạnh đều có công năng lợi ích nên gọi là Công). “*Chư hạnh*”: Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi được gọi

là “*chư hạnh*”, chúng đều có công năng lợi ích. Nếu chúng tùy thuận Tánh Đức, đó là Công. Trái phạm Tánh Đức thì tạo nghiệp (tạo nên những mầm mống tội lỗi, khổ quả), như vậy là có tội! Theo bước thánh hiền, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền của các tôn giáo Tây Phương, đều là Công. Vi phạm giáo huấn của thánh hiền là Tội. “*Thử công thị thiện hành gia đức*” (công ấy là đức sẵn có của người làm lành), chúng tôi đổi một chữ trong câu này cho mọi người dễ hiểu, tức là “*thiện hành nhân gia chi đức*” (đức của người làm điều thiện), “*thiện hành gia đức*” có nghĩa như vậy. Đức ấy cũng đạt được, quý vị có được của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu. “*Cố danh công đức*” (nên gọi là công đức). Cách giải thích chữ Công Đức này cũng rất hay. “*Đức thể danh pháp*” (Thể của đức là pháp), đức ấy do đâu mà có? Do pháp, tức là an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Lại phải giải thích chữ Pháp này. “*Phạn vân Đạt Ma*” (tiếng Phạn là Dharma), Dharma là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn là Dharma, người Hoa dịch là Pháp, “*thông u nhất thiết*” (chỉ chung hết thảy), đây là danh từ chung để chỉ hết thảy vạn sự vạn vật. “*Vô luận tiểu giả, đại giả, hữu hình giả, vô hình giả, chân thật giả, hư vọng giả, thị sự vật giả, thị đạo lý giả*” (bất luận là lớn, nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thật, hư vọng, là sự vật hay là đạo lý), nói ngắn gọn, dùng một chữ để xưng hô là Pháp. Đó là cách xưng hô theo Đối Pháp². Trong toàn thể vũ trụ, trong giáo pháp Đại Thừa thường dùng sáu chữ để bao gồm toàn bộ hết thảy mọi sự trong vũ trụ. Sáu chữ là:

- Tánh - Tướng: Trong triết học gọi Tánh là bản thể của vũ trụ, Tướng là hiện tượng. Kinh Phật dùng danh từ này, Triết Học hiện thời cũng dùng danh từ này.

- Thứ hai là Lý - Sự. Lý là lý luận, Sự là tất cả hết thảy tạo tác, biến hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói “*xuất sanh vô tận*”, đó là Sự, nó biến hóa. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới [đều thuộc về Sự]. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là Lý. Do vậy, Lý là Thể, Sự là Tướng, đặc biệt coi trọng sự biến hóa.

- Hai chữ sau đó là Nhân - Quả.

Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Quả đã bao gồm trọn hết toàn thể vũ trụ, chẳng sót một pháp nào. Phật pháp thường nói như thế.

“*Duy Thức Luận viết*” (Duy Thức Luận nói), nêu kinh luận để giải thích danh tướng này, “*Pháp vị quỹ trì. Quỹ vị quỹ phạm (軌範), khả sanh vật giải*” (Pháp là quỹ trì (duy trì theo đúng đường lối). Quỹ (軌) là đường lối, khuôn khổ, có thể khiến cho chúng sanh khởi lên kiến giải). Quỹ là quỹ đạo (軌道: đường lối định sẵn), cũng là “trật

² Đối Pháp hiểu theo nghĩa hẹp là Luận Tạng, hiểu theo nghĩa rộng là danh từ thuật ngữ trong Phật pháp. Đối Pháp nghĩa là dùng trí huệ nơi thánh đạo vô lậu để quán sát đạo lý Tứ Đế và thật quả Niết Bàn.

tự” như ta nói trong hiện thời. Trong toàn thể vũ trụ, quý vị thấy tinh hệ, ngân hà, chúng ta nói tới ngân hà, những tinh cầu ấy vận hành trong vũ trụ đều có quỹ đạo, tuy rất nhiều, cũng là vô số vô lượng; nhưng chúng có trật tự nhất định, chẳng xảy ra va chạm, điều đó gọi là Quỹ; vì thế, nay chúng ta gọi là “pháp tắc thiên nhiên”. Trên địa cầu có rất nhiều sinh vật, những sinh vật cùng tồn tại, sinh trưởng trên địa cầu, có liên quan với nhau. Do liên quan lẫn nhau mới tạo thành cân bằng sinh thái trên địa cầu, địa cầu phát triển tốt đẹp, quý vị chớ nên phá hoại. Nếu con người tùy thuận thiên nhiên, sẽ thuận lợi nhất; phá hoại thiên nhiên, tai nạn sẽ xảy đến. Chúng tôi nêu một thí dụ rõ rệt nhất. Cha mẹ sanh ra chúng ta có thân thể này, đó là tự nhiên. Chúng ta tùy thuận tự nhiên, khéo yêu thương thân thể này, quý vị sẽ cả đời khỏe mạnh, hạnh phúc. Nếu quý vị chẳng ưa thích nó, muốn đến thẩm mỹ viện, biến đổi khuôn mặt tự nhiên thành dáng vẻ như quý vị tưởng tượng. Có thể hay không? Có thể chứ! Sau khi đi thẩm mỹ viện, [thỏa ý] đại khái được mấy năm, quý vị phải khổ cả đời, đau khổ cả đời, nổi khổ ấy do chính quý vị chuốc lấy. Ở Úc Châu Học Viện, có một nữ cư sĩ làm công quả, thuở trẻ đi sửa mũi, sống mũi được nâng cao hơn, sau lúc bốn mươi tuổi đau khổ không chịu nổi, mỗi ngày phải chịu tội, gặp tôi kể chuyện ấy. Tôi nói: “Bà đã phá hoại cân bằng sinh thái tự nhiên, nên hiện thời phải chịu tai nạn này”.

Khoa học kỹ thuật phát triển, mọi người đã hiểu sai lời cổ nhân: “*Nhân định thắng thiên*”, hiện thời người ta hiểu câu ấy nghĩa là gì? Con người nhất định có thể thắng thiên, tức là chiến thắng tự nhiên, trật lất rồi! Trước đây người ta nói “*nhân định thắng thiên*” nghĩa là con người phải định, nói về tu Thiền Định. Có Thiền Định rất sâu, Định sanh trí huệ, năng lực ấy có thể thắng thiên, có ý nghĩa như vậy. Nay tâm quý vị dao động, hời hợt, học được một chút khoa học kỹ thuật, liền nghĩ mình vạn năng, có thể thắng thiên hay không? Quý vị thấy hiện thời quý vị thay đổi sinh thái tự nhiên, khiến cho địa cầu tức giận, nổi nóng, nó phải trả thù. Nó lay động nhẹ nhẹ, những cao ốc, dinh thự bèn sụp đổ hoàn toàn, quý vị có đầu lại nó hay không? Cổ nhân nói chẳng sai, nhưng hiện thời rất nhiều ý nghĩa đã bị vặn vẹo, hiểu lệch lạc mất rồi! Bởi lẽ, đối với tự nhiên, cổ nhân kính trời, kính quý thần. Không phụ tử cũng chẳng phải là ngoại lệ: “*Kính quý thần nhi viễn chi*”, “*viễn chi*” là gì? Chẳng để cho quý thần thao túng! Thật ra, điều ấy tương ứng với mười đại nguyện vương, lễ kính chư Phật, kể cả trời, đất, quý thần, bao gồm núi, sông, đại địa, không gì chẳng kính. Quý thần cung cấp tin tức thiện, chúng ta có thể tiếp nhận; nếu là bất thiện, vi phạm pháp tắc thiên nhiên, chúng ta chẳng cần phải tiếp nhận nó. Tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên thì chúng ta có thể tiếp nhận, chấp nhận. Trong trời đất, quý thần có kẻ thiện lương, chẳng phải là không có, nhưng kẻ bất thiện cũng chẳng ít, chúng ta chớ nên không biết. Nhất định phải dùng định lực, tâm chớ nên bộp chộp, hời hợt, đừng nên bị xung động bởi cảm tình, hãy dùng lý trí để xử sự hòng khỏi mắc phải lỗi lầm!

Con người hiện thời đi sau tiến bộ khoa học, thật vậy, chúng ta có lỗi với địa cầu, có lỗi với núi, sông, đại địa, khai thác bừa bãi, phá hoại tùy tiện, chẳng có một chút tâm

cung kính nào. Phật pháp cho chúng ta biết cây cối, hoa, cỏ đều có linh tánh. Trong kinh điển, đức Phật bảo chúng ta cây cối nào có chiều cao bằng con người thì cây ấy có thần cây. Chẳng phải là cây thành thần mà là do linh thể (spirits) dựa vào cây, họ nghĩ cây ấy là nơi cư trú của họ, nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, trước kia, người xuất gia tu hành trên núi, chặt mấy cây để dựng một túp lều tranh, đức Phật cho phép, nhưng ba ngày trước khi quý vị muốn chặt cây ấy, phải cúng tế thần cây, tụng kinh hồi hướng cho họ, xin phép họ ba ngày sau sẽ chặt cây, xin họ dọn nhà đi, thông báo, loan tin cho họ. Đâu có giống như trong hiện thời, chặt phá cả đồng, chẳng thèm thông báo, quý vị nói xem như vậy thì thần cây có tức giận hay không? Họ sẽ kiếm chuyện với quý vị. Đào quặng, vừa đủ bèn ngưng, chớ nên có tâm tham. Có tâm tham, phiền phức sẽ xảy đến. Hiện thời đã làm quá lộ rồi, quá sức quá lộ, nên núi, sông, đại địa biến đổi nhiều, rõ rệt lắm! Đến tốt cùng, rất có thể toàn thể đại lục sẽ bị chìm xuống đáy biển!

Trong quá khứ đã từng có chuyện này, các nhà khoa học nói: Trên địa cầu, khoảng chừng năm vạn năm trước, khoa học kỹ thuật cũng khá phát triển. Trên thế giới này có nước Đại Tây (Atlantis), do cũng làm quá lộ, luân lý, đạo đức, nhân quả đều chẳng cần đến nữa, tin tưởng nhân định thắng thiên, tùy ý phá hư địa cầu, tùy tiện thay đổi núi, sông, đại địa đến nỗi lục địa chìm xuống đáy biển. Chỗ hiện thời là Đại Tây Dương, vào thời cổ là Đại Tây quốc. Chuyện này có thật hay không? Hiện nay, rất nhiều nhà thám hiểm đã ngồi tàu ngầm đến đáy biển quan sát, phát hiện thật sự có di tích thành thị dưới đáy biển, chứng tỏ chuyện này chẳng giả, biên giới của khu vực ấy gần sát nước Mỹ và Ba Tây. Trong quá khứ, địa cầu đã có tám gương ấy, nếu người hiện thời làm quá lộ, cũng có thể gặp tình trạng này. Đối với những chuyện này, Phật pháp đã tiết lộ tin tức, chúng ta phải coi trọng, Phật, Bồ Tát chẳng nói lời giả. Làm người phải theo quy củ, phải tuân thủ, giữ vững “quỹ đạo” của chính mình, phải nêu gương điển hình cho đại chúng. Bởi lẽ, hết thấy các pháp đều có quỹ phạm (đường lối, phạm vi riêng biệt) “*khả sanh vật giải*”, chữ “*vật*” này chỉ chúng sanh, [“*khả sanh vật giải*” nghĩa là] khiến cho chúng sanh thấy những hiện tượng ấy sẽ có thể lý giải, biết Sự và Lý của nó, có thể lý giải [Sự và Lý ấy].

“*Lệ như vô thường*” (chẳng hạn như [danh từ] Vô Thường), vô thường là danh tướng. “*Sử nhân sanh khởi vô thường chi giải*” (khiến cho người ta phát khởi sự thấu hiểu đối với vô thường), danh từ này có thể khiến cho một số người đối với tất cả hết thấy các pháp trong thế gian sanh khởi sự lý giải về vô thường, biết kinh Phật giảng hết thấy các pháp chẳng thật, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, vì sao? Nó vô thường, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng, biến hóa trong từng sát-na. Không phải chỉ riêng địa cầu biến hóa trong từng sát-na, mà khắp pháp giới hư không giới đều biến hóa trong từng sát-na; hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện chân tướng sự thật này. Ai chủ trì sự biến hóa trong từng sát-na ấy? Đức Phật dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, chủ thể là niệm, tức ý niệm. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Học đã phát hiện chuyện này, trong kinh, đức Phật giảng đạo lý sâu như vậy, người bình thường rất khó hiểu, nếu

được Lượng Tử Học chứng minh sẽ rất hữu ích cho Phật pháp. Quả nhiên chứng thực những điều được nói trong kinh giáo Đại Thừa đều là sự thật, đối với Phật pháp và sự giáo học của các tôn giáo sẽ khởi tác dụng rất lớn, người ta chẳng còn coi tôn giáo là mê tín nữa. Giáo dục tôn giáo sẽ có tác dụng rất lớn đối với nhân loại, thật sự có thể hóa giải hết thảy tai nạn, giúp xã hội khôi phục an định, hòa hài. Chúng ta phải khẳng định cổ thánh tiên hiền chẳng phải là vô tri, chẳng phải là mê tín, mà thông minh hơn chúng ta nhiều lắm, chúng ta thua kém họ rất xa!

“*Trì vị trụ trì, bất xả tự tướng, nhất thiết chư pháp, các hữu kỳ tướng*” (Trì [trong quỹ trì] có nghĩa là gìn giữ, chẳng bỏ tự tướng, hết thảy các pháp mỗi pháp đều có tướng của nó), ý nói hết thảy các pháp có thể duy trì trong một khoảng thời gian. Trên thực tế, nó biến hóa trong từng sát-na, nhưng biến hóa rất nhỏ yếu, chúng ta nhìn không ra. Chẳng hạn như con người biến đổi mỗi ngày, già yếu trong từng sát-na, luôn biến hóa, nhưng nếu chỉ vài ngày thì chúng ta không thấy người đó già suy, phải sau một hai năm mới thấy người ấy thật sự biến đổi đôi chút, chẳng đột nhiên biến đổi, mà biến đổi trong từng sát-na. Hiện tượng này được gọi là Trì hay Bảo Trì. Tiếp đó, sách viết: “*An trụ nhất thiết, Hội Sở thuyết: An trụ giả, bất động nghĩa*” (“An trụ hết thảy”: Hội Sở nói: “An trụ nghĩa là bất động”), “*bất động*” ở đây chẳng phải là thật sự bất động. “*Đức thành bất thoái, cố viết An Trụ*” (đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên gọi là An Trụ), câu này nói rất hay. “*Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (không đức nào chẳng đủ, nên nói là “hết thảy”), ý nghĩa này cũng vô cùng hay. Tu đức có thành tựu, A Lại Da gần với chân tâm, đó là hiện tượng trong bốn thánh pháp giới, chưa thật sự chuyển thức thành trí, nhưng có thể tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, nghiêm túc giữ gìn giáo huấn của thánh hiền, người ấy có đức này. Thể của đức ấy là Tánh Đức. Tu đức tương ứng với Tánh Đức; do vậy, tuy là vô thường, tốc độ [biến đổi] của nó thông thả. Hiện tại, khoa học đã tăng nhanh tốc độ vô thường, giáo huấn của thánh nhân khiến vô thường chậm lại, quý vị thấy hai thứ hiệu quả khác nhau. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền đem lại an trụ, bình an, hòa hài, khoa học đem lại động loạn cho xã hội. Hiện thời, mỗi cá nhân chúng ta đều biết nói điều này, nhưng mỗi cá nhân đều chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, nhưng chẳng làm sao được, đều mong làm sao để khôi phục sự bình thường, đó là đại sự; nhưng nếu ý niệm của mọi người đều khôi phục bình thường sẽ chẳng khó, nhất định phải cậy vào giáo huấn của thánh hiền. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.